TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Châu Ngọc.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Thạch H, sinh năm 1958; địa chỉ ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Thạch Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Thạch H trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, ông và bà Thạch Thị T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 26/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 05 năm nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do bà T thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm chăm lo đời sống chung của vợ chồng dẫn đến mất hạnh phúc. Ông và bà T sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông và bà T không có con chung, không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Thạch Thị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, trình bày về con chung như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Ông H, bà T là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do bà T thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm chăm lo đời sống chung của vợ chồng, sự việc diễn ra trong thời gian dài, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng. Ông H và bà T có thời gian dài sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết khác đối với yêu cầu ly hôn của ông H. Căn cứ vào lời trình bày của ông H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa ông H và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều

51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa ông H và bà T.

[2] Về con chung: Ông H xác định ông và bà T không có con chung, không yêu cầu giải quyết. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không có văn bản trình bày ý kiến, giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà và ông H có con chung để phản đối hoặc yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét ông H là người cao tuổi, trước khi thụ lý vụ án ông H có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí hợp lệ đã được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 và khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Toà án giải quyết miễn cho ông H không phải nộp án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 và khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Thạch H và bà Thạch Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho ông Thạch H không phải nộp án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Thạch H; vắng mặt bà Thạch Thị T. Báo cho ông H có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà T vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.